

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2025
V/v “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Ông Lê Đình Thủ

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký viên

Vào ngày 29/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đầu Hữu H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp

(Ông H có đơn xin vắng mặt, bà H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2025 ông Đầu Hữu H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Đầu Hữu H và bà Lê Thị H1 chung sống năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002 (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc thời gian đầu và sinh được 03 đứa con chung. Sau này, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể

hàn gắn được. Ông H nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với bà H1. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị H1.

- Về con chung: Ông H với bà H1 có 03 người con chung gồm: Đầu Thị Thu T sinh năm 1995, Đầu Thị Thu M sinh năm 1999 và Đầu Thị Thu N sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Lê Thị Hương

Bà Lê Thị Hương đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Căn cước công dân của ông Đầu Hữu H và bà Lê Thị H1 (bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn của ông Đầu Hữu H và bà Lê Thị H1 (bản chính); Giấy khai sinh của Đầu Thị Thu T, Đầu Thị Thu M và Đầu Thị Thu N (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của ông Đầu Hữu H về việc yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị H1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về tố tụng: Bà Lê Thị H1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng Thời, ông Đầu Hữu

H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đầu Hữu H và bà Lê Thị H1.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Ông H và bà H1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2002 (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đồng Tháp) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay ông H yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện vợ chồng không còn sống chung.

Về phía bà H1 là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do cũng như không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà H1 và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Đầu Hữu H.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung ông H và bà H1 có 03 con chung tên Đầu Thị Thu T sinh năm 1995, Đầu Thị Thu M sinh năm 1999 và Đầu Thị Thu N sinh năm 2002. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông H trình bày tự thỏa thuận, riêng bà H1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H trình bày không có, riêng bà H1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai số 0002545 ngày 06/6/2025 của Chi Cục thi hành án dân dự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đầu Hữu H.

- Về hôn nhân: Ông Đầu Hữu H được ly hôn với bà Lê Thị H1.

- Về con chung: Đầu Thị Thu T sinh năm 1995, Đầu Thị Thu M sinh năm 1999 và Đầu Thị Thu N sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về án phí:** Ông Đầu Hữu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai số 0002545 ngày 06/6/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Mỹ Thọ, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Q).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhã Quyên